

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **47/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 30-8-2022
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Nguyễn Viết Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Thái H**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ A , phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có đơn xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* **Ông Doan T**, sinh năm 1972. Địa chỉ: XXX Rock, AR USA (Hoa Kỳ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2021, nguyên đơn bà Thái H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Doan T đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, tôi sinh sống tại Việt Nam, ông T quay về Mỹ để làm giấy tờ bảo lãnh tôi sang Hoa Kỳ, nhưng không đi được. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Doan T.

- Về con chung: Tôi xác định không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Doan T không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Thái H và không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thái H đối với ông Doan T.

Về quan hệ con chung: Bà Thái H xác định không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thái H xác định không có.

Án phí HNGĐ sơ thẩm, các chi phí tố tụng, bà Thái H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Thái H, hiện cư trú tại: Tổ A, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Doan T, hiện cư trú tại: XXX Rock, AR , USA (Hoa Kỳ), nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Thái H và bị đơn ông Doan T, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Doan T bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp và yêu cầu ông Doan T gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Ngày 08/02/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Công văn số: 66/CH-BTP ngày 14/01/2022 của Bộ Tư pháp đề nghị Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp về tổng đạt giấy tờ cho đương sự Doan T. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt,

cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Doan T và đến thời gian mở phiên tòa lần thứ hai: Vào lúc 08 giờ ngày 25/5/2022, ông Doan T không có mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, ngày 25/5/2022 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có Công văn số: 16/2022/CV-TA gửi Bộ Tư pháp thông báo về việc trả lời kết quả ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ đối với ông Doan T.

Cho đến phiên tòa hôm nay, đã hơn 03 tháng, Tòa án không nhận được thông báo của Cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tổng đạt cho ông Doan T nên HĐXX căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Doan T.

Bà Thái H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái H và ông Doan T đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện (số đăng ký 12/2018). Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà H, khi kết hôn, ông Doan T trở về Hoa Kỳ, bà vẫn sống ở Đà Nẵng cho đến nay. Nguyên nhân ly hôn, theo bà H là do ông T không làm được giấy tờ bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Doan T.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Thái H thấy: Hôn nhân giữa bà H và ông Doan T chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông Doan T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Thái H xác định không có nên không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thái H xác định không có, ông Doan T không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX không đề cập đến về tài sản chung và nợ chung

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà H phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 477; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của bà Thái H với ông Doan T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thái H được ly hôn đối với ông Doan T.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thái H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0002925 ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà H phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0004784 ngày 03/11/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bà Thái H phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tổng đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0004785 ngày 02/11/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bà Thái H đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về chi phí thực tế phát sinh: Bà Thái H không phải chịu chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài. Hoàn trả cho bà H tạm ứng 3.000.000 (ba triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0004786 ngày 03/11/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Bà Thái H phải chịu 860.000 đồng. Bà H đã nộp đủ chi phí dịch thuật và chứng thực.

6. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà Thái H phải chịu 95 USD, bà H đã nộp đủ theo chứng từ giao dịch ngày 03/11/2021 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh thành phố Đà Nẵng.

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Thái H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn ông Doan T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận S;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

